

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dệt

Bà Trần Ngọc Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1997, qua thời gian tìm hiểu bà T và ông N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung gia đình chồng và cùng buôn bán để sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc hơn khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông N thường xuyên uống rượu bia, chơi cờ bạc, không có trách nhiệm và không chăm lo cho vợ con. Bà T và gia đình

nhiều lần khuyên can nhưng ông N không thay đổi. Do không thể chung sống với ông T nên bà đã dọn ra ở riêng và ly thân từ năm 2010 đến nay. Từ lúc bà dọn ra ở riêng ông T không tìm bà và cũng không thể hiện ý kiến hàn gắn với bà. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/5/1998. Lúc bà dọn ra ở riêng thì con chung sống với ông N và ông bà nội. Hiện nay con chung đã thành niên và đang sống với bà nên bà không yêu cầu giải quyết gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh N vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời ông N cũng không có nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T nên trong hồ sơ không có lời trình bày của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N, ông N hiện đang cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N nhiều lần nhưng ông N không có mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Ông N đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà T và ông N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Quới vào năm 1997. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông N kết hôn từ năm 1997, quá trình chung sống ông N thường xuyên uống rượu bia, cờ bạc không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Bà và gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông N không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng giữa hai vợ chồng, bà T dọn ra ở riêng và ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian này bà và ông N không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần mời ông N đến đề hòa giải, hàn gắn gia đình nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, có thể thấy hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

- Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/5/1998, con đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Minh N, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

- Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/5/1998, con đã thành niên nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018180 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp xong án phí.

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Lương Quới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan